TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ HUOAI** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 12-09-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Dũng

Ông Nguyễn Mạnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 07 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 08 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Mai Hữu S (tên gọi khác: S cao) – sinh năm: 1982, tại: Tiền Giang;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 1B, phường L, thành phố B, tỉnh L;

Nghề nghiệp: không nghề;

Trình độ văn hóa: 08/12; Giới tính: Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Mai Hữu Q – sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1960;

Vợ: Nguyễn Thị Tố D – sinh năm 1986;

Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2009;

Tiền án: 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản: Tại bản án số 52/HSST ngày

26/11/2015 của TAND huyện Bảo Lâm, tỉnh L xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đạ Huoai - L từ ngày 03/6/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Đức T (tên gọi khác: Bột) – sinh năm: 1985, tại: L;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã L, thành phố B, tỉnh L;

Nghề nghiệp: Lái máy cày;

Trình độ văn hóa: 07/12; Giới tính: Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Võ T – sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1955;

Vợ: Lê Thị Hoàng Y – sinh năm 1990;

Bị cáo có 01 người con sinh năm 2006;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 22/11/2017 công an tp. B ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 09/2018/HSST-LCĐKNCT ngày 10/8/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Lê Thị Thùy D – sinh năm: 1986

Trú tại: Tổ dân phố 4 – thị trấn Đạ M'ri – huyện Đạ Huoai – tỉnh L (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 18/01/2018, Võ Đức T điều khiển xe máy biển kiểm soát 49M2-1473, nhãn hiệu HAVICO màu nâu chở Mai Hữu S đi từ TP. B đến Trung tâm y tế huyện Đạ Tẻh để uống thuốc cai nghiện (methanol). Đến khoảng 16 giờ 35 phút cùng ngày, sau khi T và S uống thuốc cai nghiện xong, T điều khiển xe chở S về TP. B. Khi T và S đi ngang qua tiệm Photocopy Quang ở

TDP 4, TT M, huyện Đ, tỉnh L thì T và S cùng phát hiện tại phần vỉa hè trước tiệm photocopy Quang có để 01 (một) máy phát cỏ cầm tay của chị Lê Thị Thùy D (SN:1986, Nơi cư trú: TDP 4, TT Đạ M'ri, huyện Đạ Huoai, tỉnh L) gửi tại đây từ trước. Quan sát thấy không có người trông coi, hai bị can cùng nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy phát cỏ này để đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Lúc này S nói với T: "Để tao đi bộ vào lấy, mày đứng canh tao lấy máy ra thì đón", T đồng ý. Sau đó S xuống xe và đi lại gần vị trí nơi để chiếc máy phát cỏ còn T điều khiển xe dừng cách đó khoảng 50m để quan sát, cảnh giới cho S. Sau khi quan sát thấy không có ai, S cầm chiếc máy phát cỏ đem ra ngoài đường và T điều khiển xe chạy lại đón. Lúc này T chở S ngồi phía sau cầm máy phát cỏ tẩu thoát trên đường Quốc lộ 20 về hướng tp. B. Khi đến Tổ dân phố 2, TT Đạ M'ri, huyện Đạ Huoai thì T và S đưa máy phát cỏ đi vào tiệm sửa máy phát cỏ của anh Nguyễn Minh Đức Huy (SN:1994, HKTT: TDP 2, TT Đạ M'ri, Đạ Huoai, L) để gạ bán thì anh Huy có trả giá 200.000 đồng nhưng T và S không đồng ý bán vì giá rẻ. T điều khiển xe chở S cầm máy phát cỏ chạy đến khu vực chân đèo B (thuộc TDP 8, TT Đạ M'ri, Đạ Huoai, L) để cất giấu. Cất giấu xong T chở S đến ngã ba TT Đạ M'ri để mua thuốc lá hút thì Cơ quan Công an đã mời T và S về làm việc.

- Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đạ Huoai kết luận trị giá chiếc máy phát cỏ là 3.084.000đ (ba triệu không trăm tám mươi tư ngàn đồng).

Sau khi phạm tội, Mai Hữu S đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 10/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đạ Huoai ra quyết định truy nã bị can đối với bị can S. Đến ngày 03/6/2018 thì bắt được bị can.

Về Trách nhiệm dân sự: Người bị hại là Chị Lê Thị Thùy D đã có đơn không yêu cầu bồi thường nên phần trách nhiệm dân sự. Vì vậy phần trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 (một) chiếc máy phát cỏ động cơ xăng cầm tay nhãn hiệu MakitaRBC413W, số máy EC04EA157189814Y là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị Thùy Dung, SN: 1986; Nơi cư trú: TDP 4, TT Đạ M'ri, huyện Đạ Huoai, tỉnh L. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản này cho Chị Dung theo qui định của pháp luật.

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HAVICO màu nâu biển kiểm soát 49M2-1473, số khung G5UM6K510021, số máy 0FMG-H510021 là của bà Nguyễn Thị Hoa, SN: 1956; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Lộc Châu, TP. B, tỉnh L, xe

có giấy tờ hợp pháp đầy đủ nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản này cho bà Hoa theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-ĐH ngày 31/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh L truy tố bị cáo Mai Hữu S và Võ Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mai Hữu S từ 12 đến 15 tháng tù và áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử xử phạt bị cáo Võ Đức T từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo S và bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đạ Huoai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai của bị cáo Mai Hữu S và Võ Đức T là phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 14 giờ ngày 18/01/2018, Võ Đức T điều khiển xe máy biển kiểm soát 49M2-1473, nhãn hiệu HAVICO màu nâu chở Mai Hữu S đi từ TP. B đến Trung tâm y tế huyện Đạ Tẻh để uống thuốc cai nghiện. Trên đường quay trở về, khi đi đến tiệm Photocopy Quang ở TDP 4, TT Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh L, lợi dụng sự sơ hở của chị Lê Thị Thùy Dung trong việc quản lý, bảo vệ tài

sản nên đã lén lút chiếm đoạt 01 máy phát cỏ có giá trị là 3.084.000đ (ba triệu không trăm tám mươi tư ngàn đồng). Đây là vụ trộm cắp tài sản do bị cáo Võ Đức T, Mai Hữu S trực tiếp thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng lười lao động thích hưởng thụ, lại nghiện ma túy khi không có tiền tiêu xài đã lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản phục vụ cho nhu cầu cá nhân.Từ những phân tích trên cho thấy các bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải từ những hành vi phạm tội của mình gây ra, gây bức xúc trong đời sống xã hội, do vậy cần có hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung trong cộng đồng.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, S là đối tượng giữ vai trò chính, trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản còn T là người giúp sức tích cực cho S thực hiện trót lọt hành vi phạm tội. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo S còn bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Do đó, bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo T nhằm đảm bảo tính công bằng và răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nên hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đây không phải là lần đầu các bị cáo vi phạm pháp luật: Đối với bị cáo S đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội là tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự do đó bị cáo S phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T là người có nhân thân xấu, có 01 tiền sự đúng ra phải biết ăn năn, hối cải, tu chí làm ăn nhưng lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo S và T đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai đề nghị cho bị cáo Võ Đức T được hưởng án treo, tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo T là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 22/11/2017 đến ngày 18/01/2018 lại tiếp tục phạm tội, xét theo quy định tại nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân tối cao bị cáo T không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về việc cho bị cáo T được hưởng án treo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại đầy đủ, không ai có yêu cầu gì, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại giai đoạn điều tra, truy tố là đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo Mai Hữu S và Võ Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Mai Hữu S và Võ Đức T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt bị cáo Mai Hữu S 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 6 năm 2018 (ngày bị cáo bị bắt tạm giam).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt bị cáo Võ Đức T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Mai Hữu S và Võ Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L*;*
- VKS, CA huyện Đạ Huoai;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu: THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hà Giang

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh T Đặng Văn Dũng **Nguyễn Thị Hà Giang**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L*;*
- VKS, CA huyện Đạ Huoai;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà Giang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng

theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)